

Số: 76/2018/QĐST-DS

Châu Thành, ngày 02 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 25/10/2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 190/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Huỳnh Thị B**, sinh năm: 1962.

+ Bị đơn: **Đỗ Thị Thu L**, sinh năm 1970. Tên khác H

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Đỗ Văn H**, sinh năm: 1964.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thành P**, sinh năm: 1996 – Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện H, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền của bà B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà **Đỗ Thị Thu L** (tên thường gọi H) và ông **Đỗ Văn H** có nghĩa vụ trả cho bà **Huỳnh Thị B** số tiền hui và tiền vay còn lại là: **550.000.000** đồng (*năm trăm năm mươi triệu đồng*).

Thời điểm trả như sau:

- Lần 01: Vào ngày 25/01/2019 trả 110.000.000 đồng (*một trăm mười triệu đồng*).

- Lần 02: Vào ngày 25/4/2019 trả 110.000.000 đồng (*một trăm mười triệu đồng*).

- Lần 03: Vào ngày 25/7/2019 trả 110.000.000 đồng (*một trăm mười triệu đồng*).

- Lần 04: Vào ngày 25/10/2019 trả 110.000.000 đồng (*một trăm mười triệu đồng*).

- Lần 05: Vào ngày 25/01/2020 trả số tiền còn lại là 110.000.000 đồng (*một trăm mười triệu đồng*).

Ghi nhận bà B không yêu cầu bà L, ông H trả tiếp số tiền hui còn nợ và không yêu cầu tính lãi của số tiền trên đến thời điểm hai bên thỏa thuận trả nợ.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà B nếu bà L (H), ông H chưa trả số tiền trên thì hàng tháng bà L (H), ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Đỗ Thị Thu L (H) được miễn án phí do thuộc diện người khuyết tật theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Huỳnh Thị B phải chịu là 6.500.000 đồng (*sáu triệu năm trăm nghìn đồng*). Do bà B đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 13.800.000 đồng nên được khấu trừ theo biên lai thu số 0019159 ngày 17/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà B được nhận lại số tiền là 7.300.000 đồng (*Bảy triệu ba trăm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng